

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BABU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BABU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BABU TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BABU TRADING CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110490639

**3. Ngày thành lập:** 28/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

478 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0955351983

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4633        |
| 6.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4634        |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: - Bán buôn vải - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác - Bán buôn hàng may mặc                                                                                                                                                                                                                                      | 4641(Chính) |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm sứ thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn vật tư, dụng cụ, trang phục, phương tiện, đồ dùng, trang thiết bị ngành bảo hộ lao động (mũ, giày, ủng, áo quần, găng tay, kính, khẩu trang). | 4669 |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                             | 8230 |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                 | 8299 |
| 15. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử                                                                                                                                                              | 6312 |
| 16. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                         | 6399 |
| 17. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư                                                                                                                                  | 6619 |
| 18. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                        | 7010 |
| 19. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                            | 7221 |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                             | 7310 |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường                                                                                                                                   | 7320 |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                        | 7410 |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; Hoạt động môi giới bản quyền; Tư vấn chuyển giao công nghệ                                                 | 7490 |
| 24. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                | 7710 |
| 25. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                  | 4711 |
| 27. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                    | 4719 |
| 28. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                      | 4722 |
| 29. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4723 |
| 30. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                          | 1311 |
| 31. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                 | 1312 |
| 32. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                               | 1313 |
| 33. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                               | 1391 |
| 34. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                | 1392 |
| 35. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                              | 1393 |
| 36. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                | 1399 |
| 37. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                        | 1410 |
| 38. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                      | 1420 |
| 39. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                  | 1430 |
| 40. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                         | 1511 |

|     |                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                           | 1512 |
| 42. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                       | 1520 |
| 43. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                 | 4782 |
| 44. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                      | 4784 |
| 45. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                      | 4785 |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                               | 4789 |
| 47. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)                                                                                                                                    | 4791 |
| 48. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đầu giá)                                                                                                                                               | 4799 |
| 49. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                              | 5210 |
| 50. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                  | 8110 |
| 51. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                 | 8219 |
| 52. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất vật tư, dụng cụ, trang phục, phương tiện, đồ dùng, trang thiết bị ngành bảo hộ lao động (mũ, giày, ủng, áo quần, găng tay, kính, khẩu trang). | 3290 |
| 53. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4751 |
| 54. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4752 |
| 55. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4753 |
| 56. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4759 |
| 57. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                 | 4761 |
| 58. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4762 |
| 59. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4763 |
| 60. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4764 |
| 61. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4771 |
| 62. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                  | 4772 |
| 63. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGÔ VĂN HIẾN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036083009542

Ngày cấp: 18/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 55 Tổ 13, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 55 Tổ 13, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ VĂN HIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036083009542

Ngày cấp: 18/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 55 Tổ 13, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 55 Tổ 13, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội